TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SỐP CỘP** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 28-12-2023
V/v: Yêu cầu giải quyết ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SỐP CỘP - TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Trung Thành, bà Cầm Thị Quyến.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Tòng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: Yêu cầu giải quyết ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐTS-HNGĐ ngày 25/12/2023. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị H**, sinh năm: 1988; nơi đăng ký thường trú: Thôn 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Số định danh cá nhân: 038188xxxxxx.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Xuân H**, sinh năm 1985; địa chỉ: Bản S, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La. Số định danh cá nhân: 038085xxxxxx.

Tại phiên tòa chị Lê Thị H có mặt, anh Bùi Xuân H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2023 của nguyên đơn là chị Lê Thị H có nội dung:

Chị Lê Thị H và anh Bùi Xuân H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/7/2008, tại UBND xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Mẫu thuẫn đã được hai gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ, chị H, anh H sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh H.

Về con chung: Có 01 cháu gái là Bùi Lê Như Q, sinh ngày 08/6/2014. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vào ngày 30/12/2020 giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Xuân H đã tự thỏa thuận chia và lập thành văn bản. Do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản Chính); căn cước công dân chị Lê Thị H, anh Bùi Xuân H (Bản phô tô); giấy khai sinh cháu Bùi Lê Như Q (Bản sao); xác nhận thông tin về cư trú anh Bùi Xuân H (Bản chính) và biên bản thỏa thuận chia tài sản chung có xác nhận của chính quyền địa phương (Bản chính).

Ngày 16/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp thụ lý vụ án yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Xuân H.

Trong các ngày 18 và 19/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Bùi Xuân H. Tuy nhiên do anh H không nhận. Do đó Thư ký đã lập biên bản về việc anh H đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng từ chối nhận.

Tại văn bản trình bày ý kiến của cháu Bùi Lê Như Q có nội dung: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là chị Lê Thị H.

Trong các ngày 03/11/2023 và 10/11/2023, Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm giấy triệu tập của Tòa án đối với anh Bùi Xuân H. Tuy nhiên do anh H không nhận nên Thư ký đã lập biên bản về việc anh H được tống đạt các văn bản tố tụng nêu trên nhưng từ chối nhận.

Ngày 19/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp tiến hành thủ tục tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với anh Bùi Xuân H (Anh H ký nhận).

Ngày 25/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp mở phiên tòa xét xử vụ án. Tuy nhiên anh H vắng mặt không lý do, nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và khoản 2 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi: 08 giờ ngày 28/12/2023.

Ngày 26/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp tiến hành thủ tục tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh Bùi Xuân H. Tuy nhiên do anh H không nhận nên Thư ký đã lập biên bản về việc anh H đã được tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa nhưng từ chối nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn – Chị Lê Thị H giữ yêu cầu giải quyết ly hôn anh Bùi Xuân H; yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Bùi Lê Như Q, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký tòa án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự cũng đã được Tòa án đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không lý do, nên nhất trí việc Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Xuân H. Giao cháu Bùi Lê Như Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu. Về án phí: Buộc chị H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – Chị Lê Thị H, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Xuân H được xác lập trên cơ sở tự nguyện; thỏa mãn điều kiện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do vậy được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng, theo quy định tại các Điều 09, 11 và 12 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2000.

[2.2] Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn: Do có mâu thuẫn về tình cảm vợ chồng nên từ năm 2018 giữa chị H và anh H đã sống ly thân. Chị H mang theo con về quê sinh sống tại thôn Vân Lộ, xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa từ năm 2018. Từ đó đến nay vợ chồng không liên hệ, quan tâm gì đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét tình cảm giữa hai anh chị thực sự không còn, thời gian sống ly thân đã quá 05 năm, hai bên đều không mong muốn đoàn tụ, nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn theo theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Có 01 cháu gái là Bùi Lê Như Q, sinh ngày 08/6/2014. Từ khi anh chị ly thân đến nay do chị Hiền trực tiếp nuôi dưỡng; cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở với chị H. Do vậy căn cứ vào giới tính và thực tế người đang nuôi dưỡng. Tòa án cần giao cháu Bùi Lê Như Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng

nuôi con chung do chị Hiền không yêu cầu. Anh H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở, theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết ly hôn là 300.000đ, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết sô: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Lê Như Q, sinh ngày 08/6/2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Bùi Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Bùi Xuân H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ do chị đã nộp, theo biên lai thu số: 0000803, ngày 16/10/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

4.Về quyền kháng cáo:

- Báo cho chị Lê Thị H có mặt tại phiên tòa biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/12/2023).

- Báo cho anh Bùi Xuân H vắng mặt tại phiên tòa biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt theo thủ tục hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh;
- Viện kiểm sát (2 bản);
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Khánh, h Thọ Xuân;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Kỳ Việt